

Số: 1992/GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân tại Văn bản số 01/TBH-MT ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 01/TBH-MT ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, phân kỳ 1 tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6.144/TTr-STNMT ngày 30 tháng 8 năm 2023,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân địa chỉ tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Giết mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, phân kỳ 1 tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Cơ sở:**

1.1. Tên Cơ sở: Giết mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, phân kỳ 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.



1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8558115162 ngày 19/10/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 27/5/2019; Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên với mã số doanh nghiệp 3901229496 đăng ký lần đầu ngày 29/8/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/5/2019.

1.4. Mã số thuế: 3901229496.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: cơ sở lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô, công suất: giết mổ gia cầm, thủy cầm quy mô 6.000 con/ngày.

- Thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân hoặc tại trụ sở UBND xã Bàu Năng; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì, phối hợp với UBND huyện Dương Minh Châu và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận: *Ước*

- CT TNHH MTV Thanh Bảo Hân;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện DMC;
- UBND xã Bàu Năng;
- Cổng thông tin điện tử;
- LĐVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

*12*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH.**



**Trần Văn Chiến**



**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI**  
**THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 199/GPMT-UBND  
ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Cơ sở với lưu lượng tối đa khoảng 6m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ khu giặt mủ gia cầm, thủy cầm với lưu lượng tối đa khoảng 72 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ nhà ăn với lưu lượng khoảng 02 m<sup>3</sup>/ngày.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

**2.1. Dòng nước thải:**

01 dòng nước thải gồm các nguồn số 01, 02, 03 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 90 m<sup>3</sup>/ngày. đê mê để xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,1; nước thải sau xử lý xả thải ra nguồn tiếp nhận là suối Cầu Vườn Điều thuộc ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

**2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở theo đường ống PVC  $\phi$ 114mm, đặt âm dưới đất 0,5m đến hồ gas, sau đó theo đường cống bê tông  $\phi$ 400mm, đặt âm 01m, dài khoảng 5m, chảy ra nguồn tiếp nhận.

**2.3. Vị trí xả nước thải:**

- Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 90 m<sup>3</sup>/ngày.đê mê.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°):

STT	Điểm	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục: 105°30', múi chiếu 3°)	
		Y	X
1	Điểm đầu vào	572363	1252236
2	Điểm đầu ra	572308	1252223
3	Điểm xả thải	572302	1252228

- Điểm xả nước thải: tại miệng cửa xả đường cống BTCT  $\phi 400\text{mm}$ ; thiết kế điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là  $01\text{ m}^2$  và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, nước thải được xả thẳng ra suối Cầu Vườn Điều thuộc ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $90\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ , tương đương với  $5,625\text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.4.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.4.2. Chế độ xả nước thải: liên tục

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,1$ , cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 – 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	29,7		
3	COD	mg/L	74,25		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	49,5		
5	Tổng N	mg/L	19,8		
6	Tổng P	mg/L	3,96		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,95		
8	Coliforms	MPN/100ml	3.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:



- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích  $60 \text{ m}^3$  (dung tích lần lượt là  $15 \text{ m}^3$ ,  $25 \text{ m}^3$  và  $20 \text{ m}^3$ ) sau đó theo các đường ống PVC  $\phi 16 \text{ mm}$  và PVC  $\phi 300 \text{ mm}$  dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý  $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . đêm của Cơ sở để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ khu giết mổ gia cầm, thủy cầm được thu gom theo đường ống PVC  $\phi 168 \text{ mm}$  và PVC  $\phi 300 \text{ mm}$  dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý  $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . đêm của Cơ sở để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn theo đường ống PVC  $\phi 168 \text{ mm}$  và PVC  $\phi 300 \text{ mm}$  dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý  $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . đêm của cơ sở để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất xử lý  $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . đêm để xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT với hệ số  $K_q=0,9$  và  $K_f = 1,1$ ; nước thải sau hệ thống xử lý theo đường cống bê tông  $\phi 400 \text{ mm}$ , đặt âm  $1 \text{ m}$ , có chiều dài  $5 \text{ m}$  chảy ra điểm tiếp nhận là suối Cầu Vườn Điều tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### 1.2.1 Tóm tắt quy trình xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt: nước thải  $\rightarrow$  Bể tự hoại 03 ngăn  $\rightarrow$  hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất xử lý  $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

Nước thải từ khu giết mổ: nước thải  $\rightarrow$  hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất  $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

Nước thải từ khu nhà ăn: nước thải  $\rightarrow$  hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất  $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$ .

Hệ thống xử lý nước thải có quy trình công nghệ như sau: Nước thải  $\rightarrow$  Bể thu gom  $\rightarrow$  Bể điều hòa  $\rightarrow$  Bể lắng hai vỏ  $\rightarrow$  Bể kỵ khí  $\rightarrow$  Bể thiếu khí  $\rightarrow$  Bể hiếu khí  $\rightarrow$  Bể lắng  $\rightarrow$  Ao sinh học  $\rightarrow$  Bể khử trùng  $\rightarrow$  nguồn tiếp nhận.

### 1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

*Bể tự hoại:*

+ 01 bể tại khu vực văn phòng với kích thước  $3 \times 2 \times 2,5 \text{ m}$ , dung tích bể  $15 \text{ m}^3$ , kết cấu: bê tông cốt thép

+ 01 bể tại khu vực nhà ăn với kích thước  $5 \times 2 \times 2,5 \text{ m}$ , dung tích bể  $25 \text{ m}^3$ .

+ 01 bể tại khu vực giết mổ gia cầm, thủy cầm với kích thước  $2 \times 4 \times 2,5 \text{ m}$ ; dung tích bể  $20 \text{ m}^3$ .

*Hệ thống xử lý nước thải tập trung:*

- + 01 bể thu gom kích thước 2,6m x 1,1m x 3,1m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể lắng 02 vỏ kích thước 6m x 5m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể điều hòa kích thước 6m x 2,8m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể kỵ khí kích thước 6m x 4,2m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể thiếu khí kích thước 6m x 4,2m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể hiếu khí kích thước 7,2m x 4,2m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể lắng kích thước 3,6m x 4,2m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 ao sinh học kích thước 20m x 20m x 2,5m; kết cấu lót bạt HDPE độ dày 1mm.
- + 01 bể khử trùng kích thước 3m x 2m x 1m; kết cấu bê tông cốt thép
- + 01 hồ sự cố diện tích 315 m<sup>2</sup> gồm 02 ngăn, kích thước mỗi ngăn 10,4m x 15m x 2m (vách ngăn dày 20cm); kết cấu bê tông cốt thép
- + 01 sân phơi bùn diện tích 20,16 m<sup>2</sup> có kích thước 7,2m x 2,8m, kết cấu bê tông cốt thép.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Cơ sở đã lắp đặt 01 bơm dự phòng để bơm nước thải phòng trường hợp bơm bị hỏng và 01 máy phát điện phòng trường hợp xảy ra sự cố mất điện, hệ thống xử lý nước thải không hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý, vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, cách xử lý sự cố cho nhân viên phụ trách.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Bố trí 01 hồ sự cố để lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xảy ra sự cố. Kết cấu vật liệu BTCT, diện tích 315m<sup>2</sup> gồm 02 ngăn, kích thước mỗi ngăn 10,4m x 15m x 2m (vách ngăn dày 20cm). Tổng dung tích 630m<sup>3</sup>, dung



tích hữu ích 499m<sup>3</sup>. Thời gian lưu trữ hữu ích khoảng 5 ngày.

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Hồ sục cố	- Vật liệu: BTCT - Thể tích hữu ích: 499 m <sup>3</sup> - Thời gian lưu trữ hữu ích: 5 ngày	01 hồ

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Bố trí kinh phí để duy tu, bảo trì định kỳ công trình xử lý nước thải để đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,1$



**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1912/GPMT-UBND  
ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:**

Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 1.500kVA.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Dòng khí thải:**

01 Dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống  $\phi 200\text{mm}$ , cao 2,5m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 3mm.

**2.2. Vị trí xả khí thải, bụi**

Tại ống khói máy phát điện dự phòng có công suất 1.500kVA. Tọa độ vị trí xả thải như sau: X = 1252323; Y = 572335 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

**2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:  $6.364\text{m}^3/\text{giờ}$**

**2.3.1. Phương thức xả khí thải:**

Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi máy phát điện dự phòng hoạt động.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và cột B, QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, với hệ số  $K_p=1$ ,  $K_v=1,2$ , trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=1$ , $K_v=1,2$ )	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	240	Không áp dụng	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 98 nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	$\text{SO}_2$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	600		
3	CO	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	1.200		
4	$\text{NO}_2$	$\text{mg}/\text{Nm}^3$	1.020		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu diesel để vận hành máy phát điện công suất 1.500kVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống  $\phi 200\text{mm}$ , cao 2,5m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 3mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 1.500kVA thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra. Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty chịu toàn bộ trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 191/GPMT-UBND  
ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy phát điện dự phòng công suất 1.500kVA;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực giết mổ gia cầm, thủy cầm và đánh lông;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy cắt;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực kho đông lạnh.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Nguồn số 01: X = 1252323; Y = 572335;

Nguồn số 02: X = 1252301; Y = 572352;

Nguồn số 03: X = 1252292; Y = 572353;

Nguồn số 04: X = 1252232; Y = 572355;

Nguồn số 05: X = 1252303; Y = 572393.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/ BTNMT, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh) thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 199/GPMT-UBND*  
*ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	200	18 01 03	KS
2	Các loại dầu thải khác	Lỏng	50	17 07 03	
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	1.300	12 06 06	KS
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06	NH
5	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	15	08 02 04	KS
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	05	16 01 12	NH
7	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)	Rắn	Phát sinh không thường xuyên	14 02 01	NH
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.580</b>		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Đơn vị tính	Trạng thái	Khối lượng
1	Lông gia cầm	14 01 10	Tấn/năm	Rắn	360

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Đơn vị tính	Trạng thái	Khối lượng
2	Phân gia cầm	14 01 12	Tấn/năm	Rắn	180
	<b>TỔNG CỘNG</b>		Tấn/năm		<b>540</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	19,2
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>19,2</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

#### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 15 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: Có tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn; nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

#### 2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa có nắp đậy.

#### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 22,7m<sup>2</sup>.



- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây bằng gạch, mái che bằng tôn, nền bê tông, có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

### 2.2.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng nhựa có nắp đậy.

### 2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Bố trí khu vực tập kết có diện tích 3m<sup>2</sup>, có mái che bằng tôn.

### 2.3.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh:

Thực hiện các biện pháp kiểm soát hoạt động giết mổ tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y và QCVN 01 -150:2017/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung. Giám sát dịch bệnh cho gia cầm và thủy cầm từ hộ chăn nuôi để chủ động phát hiện khoanh vùng, khống chế để tránh lây lan diện rộng. Nhập gia cầm và thủy cầm từ các cơ sở an toàn dịch bệnh, rõ nguồn gốc, có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y. Cơ sở không tổ chức lưu trữ gia cầm mà chỉ tiến hành nhập về và giết mổ trong ngày, tránh tình trạng lưu trữ gia cầm lâu ngày tại cơ sở, gia tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh. Khi có dịch bệnh, tiến hành khai báo ngay với cơ quan thú y tại địa phương để bố trí cán bộ thú y đến kiểm tra và xác định loại dịch bệnh tại cơ sở. Tiến hành thực hiện các biện pháp tiêu hủy gia cầm, thủy cầm theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày

31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

### 3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Bố trí 1 hồ nước chữa cháy bên trong Cơ sở với thể tích là 214,36 m<sup>3</sup>. Phương tiện chữa cháy tại cơ sở được bố trí gồm 37 bình chữa cháy trong đó có 18 bình bột MT5, 19 bình bột MFZ8. Bố trí 13 tủ chữa cháy trong đó có 09 tủ 01 cuộn vòi và 04 tủ 02 cuộn vòi. Trong các khu vực sản xuất đều có trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo đúng các quy định của Việt Nam về phòng chống cháy nổ. Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy. Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC. Tổ chức thường xuyên các đợt tập dợt chữa cháy cho công nhân, nêu chi tiết các nhiệm vụ mà người lao động cần thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1012/GPMT-UBND*  
*ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân của Công ty tại Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 với mục tiêu giết mổ gia súc quy mô 600 con/ngày, giết mổ gia cầm, thủy cầm quy mô 6.000 con/ngày.

Giấy phép môi trường này chỉ thực hiện cho Cơ sở Giết mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, phân kỳ 1 với mục tiêu giết mổ gia cầm, thủy cầm quy mô 6.000 con/ngày. Sau khi Công ty thi công hoàn thành các hạng mục công trình chính, phụ trợ, xử lý chất thải và lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất cho Phân kỳ 2 mục tiêu giết mổ gia súc, Công ty phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho toàn Dự án (bao gồm cả 02 phân kỳ) theo quy định pháp luật của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Cơ sở đạt quy chuẩn Việt Nam cột A QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,1$ . Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

6. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Cơ sở sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Cơ sở theo đúng quy định.

7. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

8. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Cơ sở theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình hoạt động của Nhà máy đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

13. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

14. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

15. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

16. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.